TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 741/2025/HC-PT Ngày 12 – 6 – 2025 V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh;

Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Phước Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10-12/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 97/2025/TLPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 479/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 830/2025/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Trần Hữu H, sinh năm: 1939. (vắng mặt)

Địa chỉ: A đường X, khu phố A, phường T, thành phố T,Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Trần Hữu T, sinh năm: 1975. Là người đại diện ủy quyền theo Giấy ủy quyền được Công chứng số: 5189, quyển số 10/2022TP/CC- SCC/HĐGD ngày 26/10/2022 tại Văn phòng C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

Địa chỉ: A đường X, Khu phố A, phường T, thành phố T,Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: A đường T, Khu phố A, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Hoàng T1 - Chủ tịch. (xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Trần Tuấn K - Phó Trưởng Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (xin xét xử vắng mặt)

Ông Trần Quốc S - Phó trưởng Phòng tiếp dân, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (có mặt)

Bà Võ Lục Kim D - Nhân viên Phòng tiếp dân, Ban bồi thường giải phóng mặt bằng thành phố T. (vắng mặt)

- Người kháng cáo: Người khởi kiện ông Trần Hữu H; Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T.

- Người kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện; Bản tự khai; Biên bản đối thoại và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện - ông Trần Hữu H *có người đại diện theo ủy quyền ông* Trần Hữu T *trình bày có nội dung như sau*:

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy các quyết định sau:

Quyết định số 3464/QĐ - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân Quận B, (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh, về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có kèm theo bảng chiết tính số 30/TĐ ngày 30/7/2020).

Quyết định số 3465/QĐ - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân Quận B, (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Với lý do:

Quyết định số 3464/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H tiếp tục xem xét bồi thường hỗ trợ phần diện tích 269, 18m^2 là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm như quyết định đã bị hủy là không đúng theo Bản án hành chính phúc thẩm số 742/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên: "*Xem xét lại việc bồi*

thường, hỗ trợ cho ông Trần Hữu H *đối với phần diện tích 269,18m^2 và xem xét bồi thường thiệt hại cho ông* Trần Hữu H *do chậm chi trả tiền bồi thường".*

Phần đất diện tích 269,18m^2 là thuộc phần diện tích nhà xưởng được cấp Giấy phép xây cất ngày 25/02/1974 của chính quyền S trước 30/4/1975. Ngày 01/11/1976, ông H cho Công ty C1 phía Nam thuộc Sở Giao thông vận tải Thành phố H thuê toàn bộ lô đất số 67 và cả 02 căn nhà. Ngày 14/02/1985, Ủy ban nhân dân huyện T có Quyết định số 97/QĐ-UB trưng dụng nhà, đất của ông H và bà T2 gồm 02 nhà xưởng do Công ty C1 thuê thuộc thửa 67, 68 tại xã A, T với diện tích 1350m^2 và hai lô đất thửa số 66, 65 diện tích 23.500m^2. Đến ngày 14/3/1988, Ủy ban nhân dân huyện T ban hành Quyết định số 293/QĐ-UB về việc trả lại cho ông H và bà T2 gồm 02 nhà xưởng do Công ty C1 thuê và đến ngày 14/4/1989, Thanh tra Thành phố Hồ Chí Minh triệu tập các Ban ngành có liên quan làm thủ tục bàn giao trả nhà đất gồm 02 nhà xưởng do Công ty C1 thuê thuộc thửa 67, 68 tại xã A với diện tích 1350m^2 và hai lô đất thửa số 66, 65 diện tích 23.500m^2.

Quyết định số 3465/QĐ-UBND về hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H xem xét tính tiền lãi đối với số tiền 1.550.000.000 đồng từ ngày 01/6/2015 đến ngày 01/9/2015 là khoảng thời gian chưa gửi tiền vào ngân hàng và số tiền 3.325.991.007 đồng từ ngày 01/6/2015 đến ngày 29/12/2015 là khoảng thời gian chưa gửi tiền vào ngân hàng. Như vậy là không đúng theo Bản án hành chính phúc thẩm số 742/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã nêu.

Theo khoản 2 Điều 93 Luật Đất đai năm 2013 quy định chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: *"Trường hợp cơ quan tổ chức có trách nhiệm bồi thường chậm chi trả khi thanh toán tiền bồi thường hỗ trợ cho người dân có đất bị thu hồi, ngoài tiền bồi thường hỗ trợ theo phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư được cấp có thẩm quyền phê quyệt thì người có đất bị thu hồi còn được thanh toán thêm một khoản tiền bằng tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.*

Căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm số 742/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về hủy Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 về bồi thường và Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 về việc sửa đổi bồi thường, hỗ trợ bổ sung của Ủy ban nhân dân Quận B. Xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Hữu H đối với phần diện tích 269,18m^2 và xem xét bồi thường thiệt hại cho ông Trần Hữu H do chậm chi trả tiền bồi thường.

Ngày 28/8/2020, ông H làm đơn yêu cầu thi hành án lần thứ 2.

Ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 3464/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh với nội dung:

Điều 1: Thu hồi và hủy bỏ các Quyết định số 6120/QĐ-UBND ngày 16/5/2011; Quyết định số 7462/QĐ-UBND ngày 13/6/2011; Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 01/6/2015; Quyết định số 1976/QĐ-UBND ngày 07/6/2016; Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân Quận B;

Điều 2: Bồi thường hỗ trợ và tái định cư với tổng số tiền là 14.534.020.050 đồng và chi phí đầu tư hạ tầng vì không nhận tái định cư với số tiền là 97.400.000 đồng. (có kèm theo bảng chiết tính số 30/TĐ ngày 30/7/2020). Tiếp tục xác định và bồi thường 100% phần diện tích 269,18m^2 là đất nông nghiệp trồng cây lâu năm, đơn giá 190.000 đồng/m^2 với số tiền 51.144.200 đồng.

Ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 3465/QĐ-UBND về hỗ trợ lãi suất đối với ông H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, khu phố A, phường T, Quận B với tổng số tiền là 11.727.558 đồng (có kèm theo bảng chiết tính).

Không đồng ý với 02 (hai) Quyết định trên ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên hủy.

Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố T*, Thành phố Hồ Chí Minh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, tại Văn bản số 8624/UBND-BBT ngày 12/9/2024, có ông* Trần Quốc S *là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:*

Ủy ban nhân dân Quận B nay là thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh căn cứ vào Đơn xin Thi hành án của ông Trần Hữu H và căn cứ vào Bản án hành chính phúc thẩm số 742/2019/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh về hủy Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 về bồi thường và Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 về việc sửa đổi bồi thường, hỗ trợ bổ sung của Ủy ban nhân dân Quận B. Xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Hữu H đối với phần diện tích 269,18m^2 và xem xét bồi thường thiệt hại cho ông H do chậm chi trả tiền bồi thường.

Ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 3464/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xem xét bồi thường hỗ trợ phần diện tích 269,18m^2 là đất nông nghiệp là theo nhận định tại mục 5 của Bản án nêu: "*Mặt khác, vấn đề xác định loại đất của phần diện tích 169,18m^2 cũng chưa được xem xét thấu đáo, các chứng cứ chưa được đánh giá toàn diện. Do đó, vấn đề này cũng cần được* Ủy ban nhân dân Quận B *xem xét khi giải quyết bồi thường lại".*

Ngày 27/10/2020, Ủy ban nhân dân Quận B ban hành Quyết định số 3465/QĐ-UBND về hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B, Thành phố Hồ

Chí Minh xem xét tính tiền lãi đối với số tiền 1.550.000.000 đồng từ ngày 01/6/2015 đến ngày 01/9/2015 là khoảng thời gian chưa gửi tiền vào ngân hàng và số tiền 3.325.991.007 đồng từ ngày 01/6/2015 đến ngày 29/12/2015 là khoảng thời gian chưa gửi tiền vào ngân hàng là theo nhận định tại mục 3 của Bản án nêu: "*Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 và Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của* Ủy ban nhân dân Quận B *chưa xem xét tính tiền lãi do việc chậm trả tiền bồi thường cho gia đình ông* Trần Hữu H *nên đã vi phạm việc bồi thường theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên buộc* Ủy ban nhân dân Quận B *có trách nhiệm bồi thường tiền lãi cho ông* Trần Hữu H *theo mức lãi suất tiết kiệm bậc thang của* Ngân hàng Thương mại cổ phần S1 *đối với số tiền 4.875.991.007 đồng đến ngày 29/12/2015 và số tiền 211.707.070 đồng tính từ ngày nhận Quyết định số 2395/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 đến thời điểm thanh toán là vượt quá thẩm quyền của Hội đồng xét xử sơ thẩm".*

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Giữ nguyên các quyết định mà người bị kiện đã ban hành.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 479/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 206; Điều 211; Khoản 1 Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai các năm 1999, 2003, 2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ về hướng dẫn thi hành các Luật Đất đai

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1./ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hủy phần bồi thường thiệt hại về đất nông nghiệp trồng cây lâu năm diện tích 269,18m^2 trong Quyết định số: 3464/QĐ - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2./ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện về hủy Quyết định số: 3465/QĐ - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Buộc người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố T (Quận B cũ), Thành phố Hồ Chí Minh thực nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Hữu H, Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn kháng cáo. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyết định kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Hữu H trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng hành chính.

Về nội dung: Kháng cáo của ông H không có căn cứ. Về kháng cáo của người bị kiện và quyết định kháng nghị, ông H chiếm dụng sau thời điểm kê khai theo chỉ thị 299, từ thời điểm ông H sử dụng đất đến khi thu hồi là đất trống, năm 1992 ông H chuyển nhượng toàn bộ đất trống cho bà H1. Ngoài ra ông H còn bị thu hồi hơn 700m^2 được bồi thường nhiều hơn 200m^2 đất ở là có lợi cho ông H. Cấp sơ thẩm chấp nhận khởi kiện của ông H là chưa phù hợp, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của Trần Hữu H và Ủy ban nhân dân thành phố T là hợp lệ, quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành đúng quy định pháp luật nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Để xem xét các nội dung kháng cáo của các đương sự và kháng nghị của Viện kiểm sát cần thiết phải xem xét đánh giá Quyết định số: 3464/QĐ - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số: 3465/QĐ - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ lãi suất đối với ông

Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Các quyết định trên do Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Xem xét căn cứ ban hành các quyết định trên thấy rằng:

Diện tích giải tỏa 732,98m^2 thuộc một phần Thửa 48, Tờ bản đồ số 63 (BĐĐC 2002) phường T, Quận B; Theo tài liệu 299/TTg thuộc một phần Thửa 195, 196, 201, 808, Tờ bản đồ số 2 xã A, huyện T (trong đó: phần diện tích 45,2m^2 đã thu hồi diện tích 8,6m^2 nằm trên lưng ống nước). Hiện trạng giải tỏa một phần.

Ngày 22/3/2011, Ủy ban nhân dân phường T có Giấy xác nhận hồ sơ pháp lý nhà, đất số 136/GXN-UBND đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (số cũ 658) thuộc một phần Thửa 195, 196, 201, 808, Tờ bản đồ số 02 (theo tài liệu 299/TTg), nay thuộc một phần Thửa 48 tờ bản đồ số 63 (theo bản đồ địa chính năm 2003) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B với nội dung:

"Nguồn gốc đất: Đất có nguồn gốc do ông, bà Trần Hữu H - Nguyễn Thị T2 mua, khai phá sử dụng từ trước ngày 15/10/1993 (không lấn chiếm). Trong đó có một phần do ông, bà Trần Hữu H - Nguyễn Thị T2 mua lại của ông Đỗ Văn T3 và bà Nguyễn Thị Tuyết M được Ủy ban nhân dân xã A xác nhận ngày 05/8/1992 với diện tích 410m^2 (thuộc Thửa 195 Tờ bản đồ số 2 xã A theo TL 299/TTg). Đến năm 2004, ông H và bà T2 ly hôn, ông H được phân chia một phần đất trên (trong đó có phần đất 410m^2 mua của ông Đỗ Văn T3 và bà Nguyễn Thị Tuyết M) theo Bản án số 05/LHST ngày 06/4/2004 của Tòa án nhân dân Quận 2 và sử dụng đến nay.

Nguồn gốc nhà: Toàn bộ căn nhà số A (số cũ 658) do ông Nguyễn Bình M1 xây dựng trước ngày 06/12/1990, đến ngày 06/12/1990 ông Nguyễn Bình M1 chuyển nhượng toàn bộ căn nhà cho ông Đỗ Văn T3 và bà Nguyễn Thị Tuyết M theo Giấy phép mua bán, chuyển dịch nhà số 1989/GP-UB của Ủy ban nhân dân huyện T, đến ngày 05/8/1992 ông Đỗ Văn T3 và bà Nguyễn Thị Tuyết M chuyển nhượng toàn bộ căn nhà có diện tích 90m cho ông Trần Hữu H và bà Nguyễn Thị T2 theo Văn tự mua bán cho nhà được Ủy ban nhân dân xã A xác nhận, sử dụng để ở (ông Trần Hữu H có hộ khẩu thường trú tại căn nhà số A (số C) từ năm 1992). Đến năm 2000, căn nhà bị sập, ông H, bà T2 sửa chữa lại như hiện trạng sử dụng (không còn ở). Đến năm 2004, ông H và bà T2 ly hôn, ông H được phân chia lại toàn bộ căn nhà số A (số cũ 658) theo Bản án số 05/LHST ngày 06/4/2004 của Tòa án nhân dân Quận 2 và sử dụng đến nay".

- Về việc bồi thường, hỗ trợ:

+ Đối với phần đất diện tích ở 410m^2: Căn cứ xác nhận pháp lý về nguồn gốc thì phần diện tích đất 410m^2 có nguồn gốc ông/bà Trần Hữu H - Nguyễn Thị T2 mua lại của ông Đỗ Văn T3 và bà Nguyễn Thị Tuyết M được Ủy ban nhân dân xã A xác nhận ngày 05/8/1992 với diện tích 410m^2 (thuộc Thửa 195, Tờ bản

đồ số 2 xã A theo TL 299/TTg), trên đất có nhà ở do ông Nguyễn Bình M1 xây dựng trước ngày 06/12/1990 nên B bồi thường về đất ở là phù hợp.

+ Đối với phần đất có diện tích 269.18m^2:

Tại Bản án phúc thẩm số 742/2020/HC-PT ngày 18/10/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nhận định cần xem xét lại việc bồi thường, hỗ trợ cho ông Trần Hữu H đối với phần đất diện tích 269,18m^2 và xem xét bồi thường thiệt hại cho ông Trần Hữu H do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Theo tài liệu 299/TTg thuộc Tờ bản đồ số 02, gồm: 130,38m^2 thuộc một phần Thửa 195 do Ủy ban nhân dân xã A đứng tên kê khai; 90,9m^2 thuộc một phần Thửa 201 do Công ty C1 đăng ký sử dụng; 56,5m^2 thuộc một phần Thửa 808 do ông Dương Văn T4 đăng ký sử dụng, loại đất mùa. Ông H không chứng minh được phần đất này ông đã sử dụng trước ngày 18/12/1980. Mặt khác, trên phần đất này không có công trình trên đất nên không đủ điều kiện được bồi thường đất ở, chỉ đủ điều kiện bồi thường đất nông nghiệp. Do đó, phần đất này B bồi thường theo đơn giá đất nông nghiệp là phù hợp.

Mặt khác, B cũng đã tính hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ khuôn viên đất ở trong cùng thửa đất có nhà ở sử dụng trước ngày 15/10/1993 (do đã tính hỗ trợ đất nông nghiệp xen kẽ dân cư 846,73m^2 (hồ sơ bồi thường số 31/TĐ): 1.000m - 846,73m^2 = 153,27m^2) x 30.650.000 đồng x 40% = 1.879.090.200 đồng cho ông H là đã đảm bảo quyền lợi cho ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 22 của Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của UBND Thành phố H.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng phần đất diện tích 269,18m^2 là phần nhà xưởng do Công ty C1 sử dụng, trên phần đất thuộc Bằng khoán 67–68 với diện tích 1.305m^2 theo Quyết định số 293/QĐ-UB ngày 11/3/1988 của Ủy ban nhân dân quận T về trả lại nhà xưởng cho ông Trần Hữu H là không đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ pháp lý đối với diện tích đất này như nêu trên và không đúng hiện trạng thực tế của phần đất khi bị thu hồi.

Đối với việc bồi thường cây trồng hoa màu; các khoản hỗ trợ khác và tái định cư thì ông H không đề nghị xem xét.

Như vậy, Quyết định 3464/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 (Đính kèm Phiếu chiết tính số 30/TĐ) về việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H của B được ban hành là có căn cứ. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện, hủy Quyết định 3464/QĐ-UBND là không đúng, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện và có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát về nội dung này.

Về yêu cầu tính tiền do chậm bồi thường của người khởi kiện:

Theo điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ quy định:

" 2. Trường hợp thực hiện bồi thường chậm được quy định như sau:

a) Bồi thường chậm do cơ quan, tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả tiền bồi thường; nếu giá đất tại thời điểm bồi thường thấp hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi"

Theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố, giá đất ở mặt tiền đường Xa lộ H là 14.400.000 đồng/m^2, thấp hơn đơn giá bồi thường là 30.650.000 đồng/m^2. Do đó, Quyết định 3464/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân Quận B vẫn áp dụng đơn giá đất ở 30.650.000 đồng/m^2 để bồi thường cho ông H là đúng quy định. Việc ông H kháng cáo yêu cầu bồi thường theo bảng giá đất mới nhân với hệ số K là không có cơ sở để chấp nhận.

Về Quyết định số: 3465/QĐ - UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H:

- Về yêu cầu xem xét bồi thường tiền lãi cho gia đình ông Trần Hữu H do chậm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ cho ông H nhận thấy:

Ngày 16/5/2011, B ban hành Quyết định số 6120/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H với tổng số tiền 9.795.339.850 đồng. Ông H đã nhận toàn bộ số tiền và bàn giao mặt bằng.

Sau đó, ông H tiếp tục đi khởi kiện. Ngày 01/6/2015, B ban hành Quyết định số 2395/QĐ-UBND công bố giá trị bồi thường kèm Bảng chiết tính số 30/TĐ ngày 13/4/2015 với tổng số tiền là 14.322.312.980 đồng. Ông H đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ bổ sung vào ngày 01/9/2015 và 29/12/2015.

Theo quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất tại Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 đã bãi bỏ Điều 58 của Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ và Điều 46 Quyết định số 35/2010/QĐ-UBND ngày 28/5/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ áp dụng gửi tiền vào ngân hàng đối với những trường hợp tranh chấp về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở, không áp dụng đối với trường hợp không đồng thuận chính sách bồi thường và chấp hành bàn giao mặt bằng.

Ông H đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng. Theo đó, Quyết định số 3465/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân Quận B về hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H (Kèm bảng tính lãi số 30/TĐ-BSLS), thời gian từ 01/6/2015 đến 29/12/2015 với số tiền 11.727.558 đồng là phù hợp.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện; kháng cáo của người bị kiện và kháng nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở để chấp nhận nên cần sửa bản án sơ thẩm mới đảm bảo giải quyết vụ án đúng pháp luật.

[3] Về án phí hành chính:

[3.1] Án phí phúc thẩm:

- Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Hữu H phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên ông H là người cao tuổi nên được miễn.

- Do kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí phúc thẩm.

[3.2] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Trần Hữu H phải chịu án phí sơ thẩm. Tuy nhiên ông H là người cao tuổi nên được miễn. Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Không chấp kháng cáo của ông Trần Hữu H.

- Chấp nhận kháng cáo của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 7295/QĐ-VKS-HC ngày 09/10/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 479/2024/HC-ST ngày 25 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu H về các nội dung sau:

- Yêu cầu hủy phần bồi thường thiệt hại về đất nông nghiệp trồng cây lâu năm diện tích 269,18m^2 trong Quyết định số: 3464/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Yêu cầu hủy Quyết định số: 3465/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh về hỗ trợ lãi suất đối với ông Trần Hữu H có căn nhà (thửa đất) số 171 (Số cũ 658) Xa lộ H, Khu phố A, phường T, Quận B (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Về án phí hành chính:

2.1 Án phí phúc thẩm:

- Ông Trần Hữu H được miễn.

- Hoàn trả cho Ủy ban nhân dân thành phố T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0041564 ngày 03/12/2024 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2 Án phí sơ thẩm:

- Ông Trần Hữu H được miễn.

- Ủy ban nhân dân thành phố T không phải chịu.

3/ Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Đương sự (2);
- Lưu VP(5), HS(2).14B.LTTT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thu Thủy